

Số: **41** /2020/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **13** tháng **7** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp và đất lâm nghiệp do UBND cấp xã đang quản lý trên địa bàn tỉnh

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 881
	Ngày: 15/7
	Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 196/TTr-STNMT-QLĐĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên Lâm nghiệp và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ~~24~~ tháng **7** năm 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ tư Pháp;
- TVTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Đài TRT, Báo Thừa Thiên Huế;
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh,
- Cổng TT Điện tử tỉnh;
- Lưu VT, ĐC, NĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thiên Định

QUY ĐỊNH

Quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên Lâm nghiệp và đất lâm nghiệp do UBND cấp xã đang quản lý trên địa bàn tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~41~~ /2020/QĐ-UBND ngày ~~13~~ /7 /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên Lâm nghiệp và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng quỹ đất đất lâm nghiệp sau khi thu hồi.
2. Các hộ gia đình, cá nhân thuê đất rừng sản xuất.

Điều 3. Quản lý và mục đích sử dụng đối với quỹ đất lâm nghiệp sau khi thu hồi và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quỹ đất được giao quản lý sau khi thu hồi từ các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất phối hợp với các đơn vị có liên quan quản lý quỹ đất được giao, xây dựng phương án sử dụng đất hiệu quả, hợp lý theo đúng quy định này và pháp luật hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát hết diện tích đất lâm nghiệp hiện đang quản lý, nhận bàn giao từ các Lâm trường để xây dựng phương án sử dụng đất hiệu quả, hợp lý theo đúng quy định này và pháp luật hiện hành.

3. Về mục đích sử dụng được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Quỹ đất dự phòng phục vụ cho việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất tại địa phương.

Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã được giao quản lý quỹ đất tại Khoản 1, 2 Điều này có trách nhiệm xác định diện tích để lại dự phòng với tỷ lệ không vượt quá 5%.

b) Quỹ đất còn lại giao cho các hộ gia đình, cá nhân theo hình thức thuê đất; trong đó ưu tiên cho các hộ gia đình, cá nhân là dân tộc thiểu số không có đất hoặc thiếu đất sản xuất ở địa phương.

Chương II

THU HỒI ĐẤT CỦA CÁC BAN QUẢN LÝ RỪNG, CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐỐI VỚI QUỸ ĐẤT LÂM NGHIỆP

Điều 4. Thu hồi đất của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp

1. Các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp có trách nhiệm kiểm tra, rà soát quỹ đất đề nghị thu hồi và thực hiện việc thanh lý rừng (nếu có) theo đúng quy định hiện hành, hoàn thiện hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, gồm:

a) Tờ trình của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp.

b) Bản đồ địa chính khu đất.

c) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (nếu có)

d) Văn bản liên quan đến việc thực hiện xong việc thanh lý rừng (nếu có).

đ) Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nếu có).

2. Trong thời gian không quá 15 (Mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

Điều 5. Phương án sử dụng đất

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quỹ đất lâm nghiệp được giao tại Điều 4 và quỹ đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã hiện đang quản lý tại Điều 3 quy định này; giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, phối hợp với các đơn vị, phòng ban cấp huyện có liên quan xây dựng phương án sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong đó tập trung vào các nội dung:

1. Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch có liên quan và định hướng phát triển nông nghiệp của địa phương đánh giá sự phù hợp để xây dựng phương án sử dụng quỹ đất lâm nghiệp đang quản lý.

2. Căn cứ vào quỹ đất dự kiến sẽ thực hiện để bồi thường trong năm xây dựng phương án quản lý đối với quỹ đất này.

3. Căn cứ vào quỹ đất còn lại thực hiện đánh giá nhu cầu thiếu đất sản xuất lâm nghiệp của người dân tại địa phương và quỹ đất hiện đang quản lý để xác định quy mô diện tích xin thuê và lập phương án cho các hộ gia đình, cá nhân theo hình thức thuê đất tại Chương III quy định này.

4. Việc xây dựng phương án cần đảm bảo quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế, xã hội địa phương và đảm bảo đường ranh cản lửa theo quy định.

Điều 6. Phê duyệt phương án sử dụng đất

1. Sau khi hoàn chỉnh các phương án sử dụng đất theo Điều 5 Quy định này, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua phòng Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, trình phê duyệt phương án. Hồ sơ trình gồm:

- a) Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất.
- b) Dự thảo Phương án sử dụng đất (*Theo Biểu mẫu đính kèm*).
- c) Bản đồ chi tiết phân lô kèm theo phương án sử dụng đất.

2. Trong thời gian không quá 10 (Mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án của Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng cấp huyện hoặc Phòng Quản lý đô thị; Trung tâm Phát triển Quỹ đất cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát, thẩm định.

3. Căn cứ phương án đã được thống nhất tại Khoản 2 Điều này, trong thời gian không quá 05 (Năm) ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thực hiện thông báo và niêm yết công khai tại trụ sở, thôn, tổ dân phố, điểm sinh hoạt cộng đồng trong thời gian 15 (Mười lăm) ngày để lấy ý kiến của người dân.

4. Sau khi kết thúc thời gian niêm yết Phòng Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ phối hợp với Phòng, đơn vị có liên quan hoàn thiện phương án trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để phê duyệt phương án.

Điều 7. Quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp theo phương án đã được phê duyệt

1. Đối với quỹ đất dự phòng sau khi được phê duyệt theo quy định này thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tạm thời quản lý.

2. Đối với quỹ đất cho người dân thuê thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng nội dung tại Chương III quy định này. Đồng thời, chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thực hiện niêm yết tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã và tại trụ sở, thôn, tổ dân phố, điểm sinh hoạt cộng đồng về quỹ đất tại phương án này để người dân biết thực hiện đăng ký.

Chương III

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CHO THUÊ QUỸ ĐẤT LÂM NGHIỆP SAU KHI THU HỒI

Điều 8. Đối tượng, hình thức, thời hạn và mục đích cho thuê

1. Đối tượng được thuê đất: Hộ gia đình, cá nhân cư trú và có hộ khẩu tại địa bàn cấp xã; trong đó ưu tiên cho các hộ gia đình, cá nhân là dân tộc thiểu số không có đất hoặc thiếu đất sản xuất.
2. Hình thức: Nhà nước thực hiện cho thuê đất.
3. Thời hạn cho thuê đất: Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để cho thuê đất theo thời gian thích hợp nhưng không quá 20 (Hai mươi) năm đối với mỗi lần thuê.
4. Mục đích cho thuê: Để trồng rừng sản xuất.
5. Hạn mức cho thuê: Căn cứ vào tình hình thực tế, hiện trạng khu đất, điều kiện quản lý Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định hạn mức phù hợp.

Điều 9. Thành lập Hội đồng thẩm định cho thuê đất lâm nghiệp

Để đảm bảo cho thuê đất theo đúng quy định, đúng đối tượng Ủy ban nhân dân cấp Huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. Thành phần Hội đồng gồm đại diện Lãnh đạo phòng Tài nguyên và Môi trường làm Chủ tịch Hội đồng; đại diện Lãnh đạo các Phòng: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoặc Phòng Kinh tế, hạ tầng hoặc Phòng Quy hoạch đô thị; Lao động và Thương binh xã hội; Phòng tài chính Kế hoạch; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và các thành viên khác có liên quan là ủy viên Hội đồng.

Điều 10. Lựa chọn và phê duyệt đối tượng thuê đất

1. Căn cứ vào quy định này trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc đơn đăng ký nhu cầu xin thuê đất của các hộ gia đình, cá nhân. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm họp, kiểm tra, rà soát để lựa chọn đối tượng; cụ thể:

a) Trong đó ưu tiên cho các hộ gia đình, cá nhân là dân tộc thiểu số không có đất hoặc thiếu đất sản xuất thuê đất theo hình thức thuê đất không thông qua đấu giá.

b) Các đối tượng còn lại thực hiện thuê đất theo đúng quy định. Trong trường hợp như căn cứ quỹ đất địa phương, có nhiều đối tượng cùng có nhu cầu thuê đất và một số điều kiện thực tế của địa phương, Hội đồng xem xét thực hiện đấu giá đất theo đúng quy định.

2. Căn cứ vào nội dung đã được thống nhất (trừ trường hợp thông qua đấu giá quyền sử dụng đất), trong thời gian không quá 05 (Năm) ngày làm việc, Chủ tịch Hội đồng có nhiệm vụ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để phê duyệt thống nhất đối tượng được thuê đất. Trong thời hạn không quá 05 (Năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và có văn bản phê duyệt.

3. Việc lựa chọn đối tượng thuê đất thông qua đấu giá được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 11. Thực hiện việc cho thuê đất

1. Sau khi nhận được văn bản phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ gửi văn bản Thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo đến các hộ gia đình, cá nhân được thuê đất biết để thực hiện các thủ tục theo đúng pháp luật. Thông báo phải nêu rõ thời gian và các giấy tờ có liên quan để thực hiện việc thuê đất theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời gian không quá 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày nhận Thông báo, các hộ gia đình, cá nhân được thống nhất hình thức thuê đất không thông qua đấu giá, liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trung tâm Hành chính công cấp huyện để hướng dẫn trình tự thủ tục thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng quy định. Sau thời gian này nếu hộ gia đình, cá nhân được thuê đất không thực hiện (trừ trường hợp có lý do chính đáng) thì Chủ tịch Hội đồng thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét hủy bỏ kết quả và bổ sung trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt đối với hộ gia đình, cá nhân theo thứ tự ưu tiên tiếp theo.

3. Các trường hợp cho thuê đất theo hình thức đấu giá thì thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các nội dung sau:

a) Xây dựng Kế hoạch cụ thể về việc kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất lâm nghiệp sau khi thu hồi và giao cho các địa phương.

b) Có nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan kiểm tra, rà soát tình hình quản lý sử dụng đất của các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đối với phần diện tích



sử dụng đất sai mục đích, để bị lấn chiếm, không có nhu cầu sử dụng và vi phạm pháp luật đất đai để giao đất cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và lập phương án sử dụng đất.

c) Căn cứ vào kết quả báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Khoản 6 Điều 13 quy định này, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi và giao cho các địa phương quản lý trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

a) Tăng cường chỉ đạo các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp sử dụng đất lâm nghiệp hiệu quả, đúng mục đích, hạn chế tình trạng cho thuê lại, để bị lấn chiếm và chỉ đạo rà soát diện tích đất lâm nghiệp không có nhu cầu để giao lại cho các địa phương quản lý theo đúng quy định này.

b) Phối hợp với chính quyền địa phương, các sở ngành tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị số 65/CT-UBND 04 tháng 12 năm 2015 và các quy định về quản lý, bảo vệ rừng.

c) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan thực hiện thanh lý rừng (nếu có) đối với quỹ đất do các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp trả lại để Nhà nước thu hồi giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

3. Các sở, ban, ngành liên quan:

Các sở, ban, ngành có liên quan trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nghiêm túc quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm chỉ đạo việc quản lý, sử dụng quỹ đất lâm nghiệp sau khi thu hồi giao quản lý và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý theo đúng quy định của pháp luật và quy định này.

2. Thường xuyên chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật đất đai trong quá trình quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi giao quản lý.

3. Chỉ đạo việc hủy bỏ, chấm dứt hợp đồng cho thuê đất đối với hợp đồng thuê đất không đúng mục đích theo quy định tại Quy định này.

4. Tổ chức rà soát diện tích đất lâm nghiệp đã giao, đang có người sử dụng nhưng sai đối tượng, vượt hạn mức, chưa lập hồ sơ thuê đất theo quy định để yêu cầu chuyển sang thuê đất theo quy định của Luật Đất đai; xử lý dứt điểm các diện tích bị lấn, bị chiếm để đưa vào phương án cho thuê; tăng cường phối hợp với các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp quản

lý rừng và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu các đơn vị này sử dụng đất sai quy định, để bị lấn, chiếm.

5. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về quản lý, sử dụng quỹ đất lâm nghiệp sau khi thu hồi giao quản lý trên địa bàn.

6. Căn cứ vào kết quả báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Khoản 6 Điều 14 quy định này, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình, quản lý sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi, giao quản lý trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện kiểm tra, rà soát quỹ đất lâm nghiệp hiện đang quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện việc quản lý, cho thuê theo đúng quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp huyện để quản lý quỹ đất lâm nghiệp theo quy định này, kịp thời tham mưu, xử lý các trường hợp lấn, chiếm quỹ đất giao quản lý. Thực hiện rà soát, đăng ký đất lâm nghiệp để quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai theo đúng quy định.

3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật nếu để xảy ra tình trạng lấn, chiếm đất; sử dụng đất quỹ đất lâm nghiệp thu hồi không đúng mục đích.

4. Thực hiện kiểm tra, rà soát tổng hợp danh sách các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được cho thuê đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quy định này, các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu tại địa bàn quản lý để trình Hội đồng thẩm định.

5. Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan để kiểm tra, rà soát xử lý các trường hợp chuyển tiếp theo quy định này.

6. Kiểm tra, rà soát, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý, sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi, giao quản lý trước ngày 01 tháng 12 hàng năm.

Điều 15. Các Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp

Ban quản lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp có nhiệm vụ sử dụng đất đúng mục đích được giao, thuê còn đối với diện tích đất không có nhu cầu sử dụng tiến hành kiểm tra, rà soát và lập thủ tục gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi, giao đất cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý và phê duyệt phương án sử dụng đất theo đúng quy định này.

Điều 16. Các hộ gia đình, cá nhân thuê đất rừng sản xuất

Các hộ gia đình, cá nhân thuê đất rừng sản xuất phải thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật đất đai, lâm nghiệp và quy định hiện hành.

Điều 17. Kinh phí tổ chức thực hiện đo đạc phân lô, chia khoảnh đất rừng để cho các hộ gia đình, cá nhân thuê đất

Căn cứ vào quy định hiện hành về định mức đo đạc, Ủy ban nhân dân cấp huyện ứng nguồn kinh phí của địa phương để thực hiện đo đạc phân lô, chia khoảnh và sau đó sẽ thu từ hộ gia đình, cá nhân được cho thuê đất rừng sản xuất.

Điều 18. Xử lý chuyển tiếp

Trường hợp đã cho thuê theo đúng quy định này nhưng chưa ký Hợp đồng thuê đất thì thực hiện ký Hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thiên Định

....., ngày tháng năm 20...

PHƯƠNG ÁN

**Sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi của các Ban quản
lý rừng phòng hộ, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp
và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý**

I. Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;
- Căn cứ Quyết định thu hồi và giao đất...;
- Căn cứ các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương...

.....

UBND cấp huyện xây dựng Phương án sử dụng đất lâm nghiệp sau khi thu hồi củavà đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý sử dụng như sau:

II. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích:

.....

2. Yêu cầu:

.....

II. Nội dung phương án

1. Đối với quỹ đất dự phòng

- Nguồn gốc quỹ đất...
- Đánh giá sự phù hợp của việc bố trí...
- Phương án quản lý...
- ...

2. Đối với quỹ đất còn lại giao cho các hộ gia đình, cá nhân

- Nguồn gốc quỹ đất...

- Đánh giá sự phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, định hướng phát triển của địa phương...

- Đánh giá nhu cầu của người dân ...

- Phương án cho thuê:

+ Diện tích;

+ Vị trí;

+ ...

- Đối tượng cho thuê đất.

- Phương án đo đạc...

-...

III. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật ...

- Kinh phí đo đạc...

- Kinh phí quản lý...

- Kinh phí khác

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND cấp xã ...

...

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

..

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

..

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

...

5. Trung tâm Phát triển quỹ đất:

....

6. Các đơn vị có liên quan:

Trên đây là phương án...../.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);

- Sở TN&MT;

- Sở NN&PTNT;

- CT&PCT cấp huyện...

- ...;

- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**